

**Phụ lục III**  
**BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI NƯỚC THIÊN NHIÊN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 48 /2022/QĐ-UBND*  
*Ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

DVT: 1.000 đồng

Mã nhóm, loại tài nguyên						Tên nhóm, loại tài nguyên / Sản phẩm tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên	Ghi chú
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5	Cấp 6				
V						Nước thiên nhiên			
	V1					Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp			
		V101				<i>Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên đóng chai, đóng hộp</i>			
			V10101			Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng trung bình (so với tiêu chuẩn đóng chai phải lọc bỏ một số hợp chất để hợp quy với Bộ Y tế)	m <sup>3</sup>	450	
		V102				<i>Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp</i>			
			V10201			Nước thiên nhiên khai thác tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m <sup>3</sup>	300	
	V2					<b>Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch</b>			
		V201				Nước mặt	m <sup>3</sup>	5	
		V202				Nước dưới đất (nước ngầm)	m <sup>3</sup>	6	
	V3					<b>Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác</b>			
		V301				Nước thiên nhiên dùng trong sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước đá	m <sup>3</sup>	40	
		V302				Nước thiên nhiên dùng cho khai khoáng	m <sup>3</sup>	40	
		V303				Nước thiên nhiên dùng mục đích khác như làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng	m <sup>3</sup>	5	